

Số: 298 /BC.CTUBND

Mỹ Tú, ngày 09 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách địa phương năm 2021  
và dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện  
Mỹ Tú năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết và hướng thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Sóc Trăng.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách địa phương năm 2021 và dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022, cụ thể như sau:

#### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN MỸ TÚ NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-HĐND, kỳ họp lần thứ 14 khóa XI ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân huyện Mỹ Tú về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Mỹ Tú năm 2021; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, kỳ họp lần thứ 2 khóa XII ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Mỹ Tú về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Mỹ Tú năm 2021.

Trong quá trình quản lý, điều hành dự toán thu- chi ngân sách địa phương năm 2021, dưới sự chỉ đạo của Huyện Ủy, giám sát của HĐND huyện, điều hành của UBND trên cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ thu-chi ngân sách năm 2021 với kết quả như sau:

**I. Phần thu:** Ước thu NSNN năm 2021 trên địa bàn huyện Mỹ Tú là : 30 tỷ 700 triệu đồng, đạt 100% so với chỉ tiêu tỉnh giao và Nghị quyết HĐND huyện ( Trong đó thu theo dự toán được hưởng theo phân cấp 27 tỷ 812 triệu đồng, đạt 98.66%).

Chi tiết một số khoản thu như sau:



-Thu từ nguồn thuế khu vực ngoài Quốc doanh: 9 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán tỉnh giao và NQ.HĐND huyện.

- Thuế thu nhập cá nhân: 4 tỷ 622 triệu đồng, đạt 92.44% so với dự toán tỉnh giao và NQ.HĐND huyện.

- Thu tiền SDD : 4 tỷ 500 triệu đồng, đạt 90% so với dự toán tỉnh giao và NQ.HĐND huyện ( Trong đó: thu cân đối 2 tỷ 700 triệu đồng).

- Thu khác Ngân sách : 3 tỷ đồng, đạt 375% so với dự toán tỉnh giao và NQ.HĐND huyện ( Trong đó: thu cân đối 2 tỷ 870 triệu đồng).

**II. Phần chi:** Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là: 549 tỷ 903 triệu đồng, đạt 99.88% dự toán điều chỉnh và 123.4% dự toán giao đầu năm. Chi tiết một số khoản chi như:

a. Chi đầu tư phát triển : Vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư tổng cộng 93 danh mục công trình, với tổng số vốn 187 tỷ 018 triệu đồng (vốn đầu tư 135 tỷ 026 triệu đồng; vốn sự nghiệp 51 tỷ 992 triệu đồng). Giá trị giải ngân: 177 tỷ 767 triệu đồng, đạt 95,05 % kế hoạch vốn. (Công trình hoàn thành: 83/93 trong đó: Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành: 23/32; vốn sự nghiệp 60/61)

Trong đó:

- Vốn đầu tư: 135 tỷ 026 triệu đồng, giải ngân 127 tỷ 184 triệu đồng, đạt 94.19% kế hoạch vốn, chi tiết như sau: (23/32 hoàn thành)

- Vốn Phân cấp ngân sách: Tổng vốn 25 tỷ 600 triệu đồng, phân khai 19 danh mục công trình. Kế hoạch hoàn thành 18 công trình, vướng GPMB 01 công trình; giải ngân thanh toán vốn 25 tỷ 559 triệu đồng, đạt 99,84% KHV; trong đó hoàn thành 18 công trình, còn lại 01 công trình vướng GPMB chuyển tiếp sang năm 2022.

- Vốn Tỉnh bổ sung từ nguồn xổ số kiến thiết và Cân đối ngân sách: Tổng vốn 108 tỷ 010 triệu đồng; phân khai 13 danh mục công trình. Giải ngân thanh toán vốn 101 tỷ 625 triệu đồng, đạt 94,1% KHV; trong đó hoàn thành 05 công trình, còn lại 08 công trình chuyển tiếp sang năm 2022.

- Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: 51 tỷ 992 triệu đồng, giải ngân 50 tỷ 583 triệu đồng, đạt 97.28% kế hoạch vốn. (60/61 công trình hoàn thành)

- Kinh phí từ nguồn thu vượt tiền sử dụng đất + ngân sách : 3 tỷ đồng, bố trí 01 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 3 tỷ đồng, đạt 100% KHV; trong đó hoàn thành 01 công trình.

- Kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu năm 2021: 5 tỷ 740 triệu đồng, bố trí 02 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 5 tỷ 740 triệu đồng, đạt 100% KHV; trong đó hoàn thành 02 công trình.

- Kinh tỉnh bổ sung từ nguồn sự nghiệp môi trường 2020 chuyển nguồn và năm 2021: 3 tỷ 192 triệu đồng, bố trí 04 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 3 tỷ 043 triệu đồng , đạt 95,3% KHV; trong đó hoàn thành 04 công trình.

- Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021: 6 tỷ đồng, bố trí 11 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 5 tỷ 945 triệu đồng, đạt 99,1% KHV; trong đó hoàn thành 11 công trình.



- Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa năm 2021: 19 tỷ 045 triệu đồng, bố trí 22 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 18 tỷ 735 triệu đồng, đạt 98,4% KHV; trong đó hoàn thành 22 công trình.

- Kinh phí kiến thiết thị chính năm 2021: 11 tỷ 715 triệu đồng, bố trí 15 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 11 tỷ 246 triệu đồng, đạt 96% KHV; trong đó hoàn thành 15 công trình.

- Kinh phí từ kết dư ngân sách huyện: 884 triệu đồng, bố trí 02 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 874 triệu đồng, đạt 98,7% KHV; hoàn thành 2 công trình.

- Kinh phí từ nguồn sự nghiệp giáo dục: 2 tỷ 415 triệu đồng, bố trí 04 danh mục công trình, giải ngân thanh toán vốn 2 tỷ đồng, đạt 82,8% KHV; trong đó hoàn thành 03 công trình, còn lại 01 công trình chuyển tiếp sang năm 2022.

b. Chi thường xuyên: 364 tỷ 643 triệu đồng, đạt 102.41% dự toán.

c. Dự phòng ngân sách: 7 tỷ 493 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

## **II. Nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách địa phương năm 2021:**

Năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện đã nghiêm túc thực hiện các giải pháp thích hợp để tăng nguồn thu và tiết kiệm chi. Tăng cường tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, hội nghị sang chi phòng, chống COVID-19. Tuy nhiên, điều kiện nguồn thu ngân sách địa phương còn nhiều hạn chế, nhất là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19, nên công tác điều hành thu – chi và cân đối ngân sách địa phương gặp nhiều khó khăn. Trong điều kiện khó khăn đó, huyện vẫn đảm bảo nhiệm vụ chi nhất là các khoản chi lương và các khoản theo lương, chi công tác an sinh xã hội, chi bảo trợ xã hội. Đồng thời đảm bảo được các nội dung chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19.

### **Phần thứ hai**

## **DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022**

### **I. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện năm 2022.**

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Mỹ Tú năm 2022 là 34 tỷ đồng, tăng 10.75% so với năm 2021; trong đó:

- Thuế ngoài quốc doanh: 10 tỷ đồng ( tăng 11.11% so với năm 2021)
- Thu trước bạ : 9 tỷ đồng ( bằng so với dự toán thu năm 2021)
- Thu phí - lệ phí : 2 tỷ đồng ( tăng 5.26% so với dự toán thu năm 2021).
- Thu tiền sử dụng đất: 6 tỷ đồng (tăng 20% so với dự toán thu năm 2021).
- Thuế thu nhập cá nhân: 5 tỷ đồng (bằng 100% so với dự toán thu năm 2021).
- Thu khác ngân sách: 2 tỷ đồng (tăng 150% so với dự toán thu năm 2021).

### **II. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022:**

Tổng thu ngân sách địa phương theo dự toán năm 2022 là 487 tỷ 277 triệu đồng, bao gồm:

1. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp : 30 tỷ 470 triệu đồng ( trong đó đã loại trừ nguồn thu điều tiết về Trung ương và tỉnh là: nguồn thu thuế Tiêu thụ đặc biệt 70 triệu đồng, thuế tài nguyên 60 triệu đồng, thu phí, lệ phí 1 tỷ đồng, và thu tiền sử dụng đất là 2 tỷ 400 triệu đồng).

2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh là 456 tỷ 807 triệu đồng tăng 9.51% so với dự toán năm 2021. Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 412 tỷ 871 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 43 tỷ 936 triệu đồng.

### III. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022.

Phương án phân bổ dự toán chi trong cân đối ngân sách địa phương được xây dựng trên các cơ sở:

- Đảm bảo trong phạm vi dự toán của UBND tỉnh giao; trong đó phải bố trí không được thấp hơn mức UBND tỉnh giao của khoản chi có tính bắt buộc như: chi đầu tư phát triển trong cân đối, chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo- dạy nghề, dự phòng ngân sách và chi chương trình mục tiêu.

- Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và định mức phân bổ chi thường xuyên của giai đoạn ổn định 2022-2026 theo quy định tại Nghị quyết số / của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách, an sinh xã hội, tiền lương, các khoản phụ cấp lương, phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, phụ cấp thâm niên nghề và các chế độ chính sách tài chính hiện hành tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

#### 1. Dự toán chi ngân sách địa phương:

Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và định mức phân bổ chi thường xuyên của giai đoạn ổn định ngân sách năm 2022-2026 theo quy định tại Nghị quyết số / của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, nên dự toán chi ngân sách địa phương được xác định, cụ thể như sau:

Dự toán chi NSĐP năm 2022 là 487 tỷ 277 triệu đồng, bao gồm:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương là 443 tỷ 341 triệu đồng, tăng 16.01% so dự toán năm 2021. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển từ vốn được để lại theo phân cấp: 26 tỷ 200 triệu đồng tăng 2.34% với dự toán năm 2021. (Trong đó: Thu tiền sử dụng đất được để lại: 3 tỷ 600 triệu đồng, tăng 20% so với dự toán năm 2021).

- Chi thường xuyên là 408 tỷ 448 triệu đồng, tăng 17.01% so dự toán năm 2021, cụ thể như sau:

+ Chi sự nghiệp giáo dục là 245 tỷ 241 triệu đồng, tăng 10.71% so dự toán năm 2021.



+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề là 4 tỷ 891 triệu đồng tăng 42.18% so dự toán năm 2021.

+ Chi sự nghiệp môi trường là 2 tỷ 702 triệu đồng tăng 59.13% so dự toán năm 2021.

+ Các khoản chi thường xuyên còn lại 155 tỷ 614 triệu đồng tăng 27.14% so dự toán năm 2021 ( bao gồm nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương).

- Dự phòng ngân sách là 8 tỷ 693 triệu đồng, tăng 16.01% so dự toán năm 2021.

b) Chi các chương trình mục tiêu là 43 tỷ 936 triệu đồng, bằng 69.54% so dự toán năm 2021.

#### **IV. Một số biện pháp chỉ đạo thực hiện:**

##### **1. Về công tác thu ngân sách:**

Trên cơ sở chỉ tiêu thu năm 2022 được Hội đồng nhân dân huyện thông qua và Quyết định Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu. Chi cục thuế phối hợp với các ngành, UBND các xã thị trấn triển khai giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu giao; Trong đó thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức, hỗ trợ người nộp thuế khi có yêu cầu. Cải cách thủ tục hành chính đơn giản, nhanh gọn, kịp thời. Tiếp tục theo dõi khai, nộp thuế điện tử đối với người nộp thuế.

- Công khai niêm yết bộ thuế, các hộ đề nghị tạm hoãn thuế do ảnh hưởng dịch COVID-19 tại các địa điểm quy định. Theo dõi chặt chẽ việc kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn xã, đồng thời giải quyết kịp thời các khiếu nại về thuế, phí.

- Khai thác, thực hiện có hiệu quả hệ thống ứng dụng điện tử của ngành thuế Chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, tăng cường quản lý thu NSNN, chống thất thu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khai thuế của doanh nghiệp, duy trì, kiện toàn ban chỉ đạo, đoàn chống thất thu thuế, kiểm tra, khai thác quản lý nguồn thu. Thực hiện các khoản thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước, xử lý nghiêm các khoản nợ đọng.

- Phối hợp giữa các Ban ngành, Đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn để giải quyết vấn đề nợ thuế, kiên quyết xử lý các hộ chây ì nợ đọng thuế qua các năm. Khai thác nguồn thu trong đó nguồn thu xây dựng cơ bản dân dụng nhằm đảm bảo thu đạt chỉ tiêu thu của các xã, thị trấn. Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thuế với các ngành có liên quan để giải quyết các khoản về đất, thu XDCB, thu phí lệ phí.

##### **2. Về chi ngân sách :**

Năm 2022 là năm thứ 2 của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước. Năm thứ nhất thực hiện nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của HĐND tỉnh. Vì vậy, căn cứ vào dự toán được giao các đơn vị sử dụng ngân sách cần chủ động sắp xếp để tập trung cho các nhiệm vụ trọng

tâm, ưu tiên bố trí chi lương và các khoản theo lương, điều hành dự toán chi hoạt động thường xuyên phải linh hoạt, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch. Chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cần thiết và khả năng triển khai thực hiện, cắt, giảm một số nội dung chi không thật sự cần thiết, tăng cường công nghệ thông tin phục vụ quản lý, truyền đạt thông tin.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ từ ngân sách để chi cho công tác an sinh xã hội theo quy định. Các ngành, UBND các xã, thị trấn trên cơ sở rà soát thống kê các đối tượng thụ hưởng, để triển khai, thực hiện chi trả kịp thời, đảm bảo công bằng, đúng đối tượng thụ hưởng.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị sử dụng dự toán ngân sách tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai dự toán thu-chi ngân sách theo quy định; thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Chi đầu tư XDCB phải đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định của luật đầu tư công. Tăng cường quản lý không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, khắc phục sự chậm trễ, tháo gỡ khó khăn trong việc giao và giải ngân vốn đầu tư. Các chủ đầu tư có trách nhiệm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành, khi đưa vào sử dụng.

Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ phải bảo đảm đúng từng mục tiêu, chương trình; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn của các chương trình trên cơ sở lồng ghép các nguồn vốn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Tăng cường công tác quản lý, công tác thanh tra tài chính, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng ngân sách còn lãng phí, không đúng chế độ chính sách theo quy định, để đảm bảo sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu- chi ngân sách năm 2021 và dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện Mỹ Tú năm 2022.

( Đính kèm các Phụ lục biểu số liệu theo quy định tại Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND huyện;
- ĐB.HĐND huyện;
- Tổ ĐB HĐND tỉnh đơn vị huyện Mỹ Tú;
- CT và Các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Lưu :VT.

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Phú



## ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

Kèm theo Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	30.700.000.000	28.190.000.000	30.700.150.230	27.811.658.401	100.00%	98.66%
1	Thu nội địa	30.700.000.000	28.190.000.000	30.700.150.230	27.811.658.401	100.00%	98.66%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)			4.000.000			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)			63.000.000	5.120.000		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	9.000.000.000	8.890.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	100.00%	101.24%
-	Thuế giá trị gia tăng	7.390.000.000	7.390.000.000	7.386.000.000	7.386.000.000	99.95%	99.95%
-	Thuế TNDN	1.500.000.000	1.500.000.000	1.614.000.000	1.614.000.000	107.60%	107.60%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	60.000.000	-	-	-	0.00%	
-	Thuế tài nguyên	50.000.000	-	-	-	0.00%	
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.000.000.000	5.000.000.000	4.622.000.000	4.622.000.000	92.44%	92.44%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	9.000.000.000	9.000.000.000	7.509.000.000	7.509.000.000	83.43%	83.43%
8	Thu phí, lệ phí	1.900.000.000	1.500.000.000	2.000.000.000	1.103.434.784	105.26%	73.56%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			2.150.230	2.150.230		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	3.000.000.000	4.500.000.000	2.700.000.000	90.00%	90.00%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	800.000.000	800.000.000	3.000.000.000	2.869.953.387	375.00%	358.74%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						

## ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

Kèm theo Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	550.566.624.811	549.902.882.924	(663.741.887)	99.88%
1	Chi đầu tư phát triển	187.018.000.000	177.767.000.000	(9.251.000.000)	95.05%
2	Chi thường xuyên	356.055.624.811	364.642.882.924	8.587.258.113	102.41%
	Trong đó:				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	224.963.000.000	215.702.148.024	(9.260.851.976)	95.88%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)			-	
3	Dự phòng ngân sách	7.493.000.000	7.493.000.000	-	100.00%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND, ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN 5=3/1	Thu NSDP 6=4/2
A	B	1	2	3	4		
	TỔNG THU NSNN	30.700.150.230	27.811.658.401	34.000.000.000	30.470.000.000	110.75%	109.56%
I	Thu nội địa	30.700.150.230	27.811.658.401	34.000.000.000	30.470.000.000	110.75%	109.56%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	4.000.000					
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	63.000.000	5.120.000				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	9.001.000.000	9.001.000.000	10.000.000.000	9.870.000.000	111.10%	109.65%
-	Thuế giá trị gia tăng	7.386.000.000	7.386.000.000	8.170.000.000	8.170.000.000	110.61%	110.61%
-	Thuế TNDN	1.615.000.000	1.615.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	105.26%	105.26%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			70.000.000			
-	Thuế tài nguyên			60.000.000			
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.622.000.000	4.622.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	108.18%	108.18%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	7.508.000.000	7.508.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	119.87%	119.87%
8	Thu phí, lệ phí	2.000.000.000	1.103.434.784	2.000.000.000	1.000.000.000	100.00%	90.63%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.150.230	2.150.230				
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất	4.500.000.000	2.700.000.000	6.000.000.000	3.600.000.000	133.33%	133.33%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	3.000.000.000	2.869.953.387	2.000.000.000	2.000.000.000	66.67%	69.69%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND, ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	2	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	445.334.000.000	487.277.000.000	41.943.000.000	109.42%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	382.154.000.000	443.341.000.000	61.187.000.000	116.01%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	25.600.000.000	26.200.000.000	600.000.000	102.34%
1	Chi đầu tư cho các dự án	25.600.000.000	26.200.000.000	600.000.000	102.34%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.090.000.000		(4.090.000.000)	0.00%
-	Chi khoa học và công nghệ				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	3.600.000.000	600.000.000	120.00%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	349.061.000.000	408.448.000.000	59.387.000.000	117.01%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	221.523.000.000	245.241.000.000	23.718.000.000	110.71%
2	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	3.440.000.000	4.891.000.000	1.451.000.000	142.18%
3	Chi khoa học và công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	7.493.000.000	8.693.000.000	1.200.000.000	116.01%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	63.180.000.000	43.936.000.000	(19.244.000.000)	69.54%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	63.180.000.000	43.936.000.000	(19.244.000.000)	69.54%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				





**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN  
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

*(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Mỹ Tú)*

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	487.277.000.000	441.169.000.000	46.108.000.000
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	443.341.000.000	397.233.000.000	46.108.000.000
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	26.200.000.000	26.200.000.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	0		
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600.000.000	3.600.000.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	<b>Chi thường xuyên</b>	408.448.000.000	362.340.000.000	46.108.000.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	250.132.000.000	250.132.000.000	
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	8.693.000.000	8.693.000.000	
IV	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	43.936.000.000	43.936.000.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	43.936.000.000	43.936.000.000	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỰ XÁ, THỊ TRẤN NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số 88/BC- UBND, ngày 09 tháng 04 năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú)



STT	Đơn vị	Tổng chi cần dõi ngân sách địa phương	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển								Chi thường xuyên				Chi chương trình mục tiêu				
				Tổng số	Trong đó		6	7	8	9	Trong đó		12	13	14	Tổng số	16	17	18	19
					Chi Giáo dục-đào tạo và Đầy đủ nghề	Chi khoa học và công nghệ					Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn XSKT (nếu có)								
A	B	1=2+15+19	2=3+9+12+13+14	3=6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19
01	UBND Xã Lương Hưng	46.108.000.000	46.108.000.000	0	0	0	0	0	0	46.108.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
02	UBND Xã Hưng Phú	4.829.831.000	4.829.831.000	0	0	0	0	0	0	4.829.831.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
03	UBND Xã Mỹ Hương	5.033.725.000	5.033.725.000	0	0	0	0	0	0	5.033.725.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
04	UBND Xã Mỹ Tú	4.555.391.000	4.555.391.000	0	0	0	0	0	0	4.555.391.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
05	UBND Xã Mỹ Phước	4.457.569.000	4.457.569.000	0	0	0	0	0	0	4.457.569.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Xã Thuận Hưng	5.268.422.000	5.268.422.000	0	0	0	0	0	0	5.268.422.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
07	UBND Xã Mỹ Thuận	5.262.714.000	5.262.714.000	0	0	0	0	0	0	5.262.714.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
08	UBND TT Huyện Hậu Nghĩa	5.021.238.000	5.021.238.000	0	0	0	0	0	0	5.021.238.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
09	UBND Xã Phú Mỹ	3.952.961.000	3.952.961.000	0	0	0	0	0	0	3.952.961.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	UBND Xã Phú Mỹ	4.655.808.000	4.655.808.000	0	0	0	0	0	0	4.655.808.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Số tài khoản 10%	717.500.000	717.500.000	0	0	0	0	0	0	717.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quản lý tại ngân sách	2.332.840.000	2.332.840.000	0	0	0	0	0	0	2.332.840.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0